HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 2 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 2 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3316-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 31/3/2025 đến ngày 26/5/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
1	Đỗ Lê Hà Anh	03.7.2006	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000628	NVSP2/2025.01	
2	Nguyễn Thị Hải Anh	04.4.2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000629	NVSP2/2025.02	
3	Nguyễn Thị Hải Anh	03.12.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000630	NVSP2/2025.03	
4	Lương Minh Anh	16.12.2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000631	NVSP2/2025.04	
5	Huỳnh Thái Bằng	29.10.2003	Tiền Giang	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000632	NVSP2/2025.05	
6	Phạm Hoàng Thiên Bảo	12.12.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000633	NVSP2/2025.06	
7	Nguyễn Hưng Bình	26.9.1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000634	NVSP2/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
8	Lê Thị Thu Cúc	19.5.2003	Kiên Giang	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000635	NVSP2/2025.08	
9	Lê Văn Cường	11.11.1988	Bình Định	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000636	NVSP2/2025.09	
10	Lê Tâm Đắc	16.11.1972	Hà Nội	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000637	NVSP2/2025.10	
11	Vũ Ngọc Bích Đoan	03.12.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000638	NVSP2/2025.11	
12	Phạm Văn Dũng	24.01.1971	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000639	NVSP2/2025.12	
13	Tạ Thị Mỹ Duyên	27.01.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000640	NVSP2/2025.13	
14	Nguyễn Lê Linh Giang	14.4.1987	Bình Định	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000641	NVSP2/2025.14	
15	Bùi Mạnh Hà	08.11.1981	Ninh Bình	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000642	NVSP2/2025.15	
16	Nguyễn Thị Ngân Hà	06.3.2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000643	NVSP2/2025.16	
17	Trịnh Thị Hằng	10.4.1987	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000644	NVSP2/2025.17	
18	Ngô Phương Hạnh	02.4.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000645	NVSP2/2025.18	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
19	Hồ Ngân Hạnh	11.7.1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000646	NVSP2/2025.19	
20	Lưu Việt Hùng	08.6.2004	Phú Thọ	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000647	NVSP2/2025.20	
21	Nguyễn Thị Quế Hương	02.12.1973	Thái Bình	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000648	NVSP2/2025.21	
22	Nguyễn Ngọc Huyền	13.8.1990	Yên Bái	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000649	NVSP2/2025.22	
23	Phạm Tuấn Khang	30.6.2002	Thái Bình	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000650	NVSP2/2025.23	
24	Lương Duy Minh Kiệt	26.5.2004	Đồng Tháp	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000651	NVSP2/2025.24	
25	Dương Hồng Liên	16.11.1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000652	NVSP2/2025.25	
26	Nguyễn Trần Phương Linh	23.9.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000653	NVSP2/2025.26	
27	Hoàng Phương Linh	22.8.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000654	NVSP2/2025.27	
28	Nguyễn Thị Mai Linh	25.8.1995	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000655	NVSP2/2025.28	
29	Bế Nguyễn Diệu Linh	16.5.1999	Cao Bằng	Nữ	Tày	Giỏi	HBT/BDNVSP 000656	NVSP2/2025.29	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
30	Trương Nhật Linh	08.12.1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000657	NVSP2/2025.30	
31	Lê Ngọc Thùy Linh	04.02.2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000658	NVSP2/2025.31	
32	Trần Thị Loan	05.9.1991	Nam Định	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000659	NVSP2/2025.32	
33	Vũ Thị Ngọc Mai	10.9.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000660	NVSP2/2025.33	
34	Cấn Thị Ngọc Minh	24.10.2004	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000661	NVSP2/2025.34	
35	Nguyễn Thị Kim Ngân	03.12.1999	An Giang	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000662	NVSP2/2025.35	
36	Nguyễn Vũ Huyền Ngọc	02.11.2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000663	NVSP2/2025.36	
37	Phạm Thị Ngọc	17.7.1986	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000664	NVSP2/2025.37	
38	Huỳnh Trọng Nguyên	31.3.2001	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000665	NVSP2/2025.38	
39	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	04.12.1983	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000666	NVSP2/2025.39	
40	Phạm Mai Nguyên	31.01.2001	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000667	NVSP2/2025.40	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
41	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	19.4.2003	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000668	NVSP2/2025.41	
42	Đồng Hồng Nhung	26.9.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000669	NVSP2/2025.42	
43	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	24.11.2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000670	NVSP2/2025.43	
44	Dương Như Quang	29.4.2002	Thái Bình	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000671	NVSP2/2025.44	
45	Hồ Minh Quang	27.8.2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000672	NVSP2/2025.45	
46	Nguyễn Ngọc Quỳnh	03.01.1975	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000673	NVSP2/2025.46	
47	Hồ Nhân Tâm	15.5.1983	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000674	NVSP2/2025.47	
48	Nguyễn Thiên Tân	25.9.1983	Hải Dương	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000675	NVSP2/2025.48	
49	Đinh An Phương Thảo	25.4.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000676	NVSP2/2025.49	
50	Nguyễn Thị Lam Thảo	13.11.1999	Cà Mau	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000677	NVSP2/2025.50	
51	Nguyễn Thị Thảo	16.3.1992	Bình Thuận	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000678	NVSP2/2025.51	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
52	Trần Thị Thư	20.01.2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000679	NVSP2/2025.52	
53	Trần Thị Thanh Thùy	01.5.1985	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000680	NVSP2/2025.53	
54	Hoàng Xuân Tiến	07.11.1981	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000681	NVSP2/2025.54	
55	Lê Hà Bảo Trân	31.10.1993	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000682	NVSP2/2025.55	
56	Trần Minh Trí	27.01.1998	Bến Tre	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000683	NVSP2/2025.56	
57	Đoàn Ngọc Phương Trinh	12.11.2003	An Giang	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000684	NVSP2/2025.57	
58	Lê Đào Anh Trung	22.10.1999	Hà Nội	Nam	Kinh	TB khá	HBT/BDNVSP 000685	NVSP2/2025.58	
59	Nguyễn Lê Minh Tú	05.10.2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000686	NVSP2/2025.59	
60	Hoàng Quốc Tuấn	12.11.1969	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000687	NVSP2/2025.60	
61	Trần Thị Tuyến	01.01.1977	Quảng Bình	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000688	NVSP2/2025.61	
62	Bùi Thị Bạch Tuyết	21.9.1984	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000689	NVSP2/2025.62	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
63	Hà Thị Vui	05.9.1990	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000690	NVSP2/2025.63	
64	Bùi Ngọc Thúy Vy	05.9.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000691	NVSP2/2025.64	

Tổng số: 64 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang